

ỦY BAN DÂN TỘC**ỦY BAN DÂN TỘC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2015/TT-UBDT

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
trong hệ thống Cơ quan công tác dân tộc**

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban Dân tộc;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống Cơ quan công tác dân tộc,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống Cơ quan công tác dân tộc, gồm: Đối tượng; nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân; hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của Ủy ban Dân tộc; hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (sau đây gọi tắt là HĐTDKT), Hội đồng Khoa học, Sáng kiến (sau đây gọi tắt là HĐKHSK); thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền quyết định, trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn, nhân viên hợp đồng lao động từ 10 tháng trở lên trong hệ thống Cơ quan công tác dân tộc. Các Vụ, đơn vị thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc, Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh đã có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên.

2. Cá nhân, tập thể ngoài hệ thống Cơ quan công tác dân tộc có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc có thành tích, công lao xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp công tác dân tộc.

3. Cá nhân, tập thể là người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân người nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam hoặc nước ngoài, tập thể người nước ngoài đang công tác tại cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống Cơ quan công tác dân tộc được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Khoản 1, Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 3, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 3, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Điều 2, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 07/2014/TT-BNV và các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất và kịp thời.

2. Công tác thi đua phải được duy trì thường xuyên, nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu, các biện pháp tổ chức phong trào thi đua phải thiết thực, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức và gắn với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của Ủy ban Dân tộc, của từng cơ quan, đơn vị.

3. Thực hiện phân cấp, tăng cường trách nhiệm gắn với quyền hạn của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng, bảo đảm phù hợp và đồng bộ với việc phân cấp quản lý về công tác tổ chức, cán bộ và kinh phí.

Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi là Bộ trưởng, Chủ nhiệm) tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua của toàn hệ thống Cơ quan công tác dân tộc, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐTĐKT giúp HĐTĐKT tham mưu đề xuất với Bộ trưởng, Chủ nhiệm về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; thẩm định hồ sơ thi đua, khen thưởng báo cáo HĐTĐKT xét, trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong hệ thống Cơ quan công tác dân tộc chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong cơ quan, đơn vị; căn cứ nội dung phong trào thi đua do Bộ trưởng, Chủ nhiệm phát động và điều kiện cụ thể của cơ quan, đơn vị để chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) trong phạm vi cơ quan, đơn vị. Đơn vị sự nghiệp, sự nghiệp có thu quyết định khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền quy định tại Thông tư này.

4. Cá nhân, tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định của Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan về công tác thi đua, khen thưởng.

Chương II
TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA
DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN THI ĐUA

Điều 5. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 2 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua:

Căn cứ nội dung phát động thi đua của Ủy ban Dân tộc, của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đặc điểm, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ công tác, các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống Cơ quan công tác dân tộc tổ chức phong trào thi đua:

a) Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, đề ra các khẩu hiệu, chỉ tiêu, nội dung, thời hạn thi đua. Việc xác định nội dung và tiêu chí thi đua phải phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi, đảm bảo các điều kiện về tinh thần, vật chất cho phong trào thi đua; chỉ tiêu thi đua, tiêu chí khen thưởng đặt ra phải từ mức tiên tiến trở lên để đảm bảo từng cá nhân, tập thể cần nỗ lực, tích cực phấn đấu mới hoàn thành;

b) Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;

c) Căn cứ vào chỉ tiêu, nội dung của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết;

d) Xác định biện pháp tổ chức phong trào thi đua; có hình thức tổ chức phát động thi đua phù hợp, coi trọng công tác tuyên truyền, phát huy tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, tập thể;

đ) Phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua; tổ chức vận động, theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và kịp thời phổ biến các kinh nghiệm tốt cho đối tượng tham gia thi đua;

e) Sơ kết, tổng kết thi đua để đánh giá đúng kết quả, tác dụng của phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc; tổ chức tuyên truyền, xây dựng, phát hiện nhân tố mới và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong hệ thống Cơ quan công tác dân tộc;

g) Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 6. Đăng ký danh hiệu thi đua

1. Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc tổ chức cho cá nhân, tập thể đăng ký thi đua gửi về Thường trực HĐTĐKT chậm nhất là ngày 28/02 hàng năm.

2. Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) nhằm thực hiện chương trình, đề án lớn hoặc hưởng ứng các cuộc vận động: Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và đăng ký thi đua theo kế hoạch phát động thi đua của Ủy ban Dân tộc.

Điều 7. Danh hiệu thi đua

1. Đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc: Các danh hiệu thi đua được xét tặng thường xuyên hàng năm vào dịp tổng kết công tác của cơ quan, đơn vị:

a) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, gồm: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ và Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể, gồm: Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc, Cờ thi đua của Chính phủ.

2. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh: Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc, khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm tiến hành phát động thi đua theo chuyên đề.

3. Tỷ lệ, số lượng các danh hiệu thi đua:

a) Đối với cá nhân, tập thể quy định tại Khoản 1 Điều này được quy định tại văn bản hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của Ủy ban Dân tộc (căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác trong năm). Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Đối với tập thể quy định tại Khoản 2 Điều này được quy định tại văn bản hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng theo chuyên đề của Ủy ban Dân tộc.

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng thường xuyên mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác năm của cơ quan, đơn vị cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

Trong năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao bảo đảm số lượng, chất lượng, tiến độ hoàn thành;

Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần phấn đấu, đoàn kết tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nhiệm vụ;

Có đạo đức, lối sống lành mạnh; có ý thức kỷ luật, chấp hành tốt quy chế văn hóa công sở, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy định của cơ quan;